

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 24-02-2020

“Tranh chấp về HNGĐ -
ly hôn, nuôi con, tài sản
chung ”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

Các Thẩm phán:

Ông Huỳnh Thanh Mỹ;

Ông Phạm Ngọc Giao;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh: Ông Phan Trung Quốc - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 24 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Tỉnh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2019/TLPT-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2019, về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình- ly hôn, nuôi con”;

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 43/2019/HNGĐ-ST ngày 02 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện M bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 05/2020/QĐPT-HNGĐ, ngày 15 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phan Văn C, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Ấp 3, xã Đ, huyện M, tỉnh Đồng Tháp;

- *Bị đơn:* Chị Phạm Thị X, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Ấp 3, xã Đ, huyện M, tỉnh Đồng Tháp;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Trần Thị A, sinh năm 1954;

Địa chỉ: Ấp 3, xã Đ, huyện M, tỉnh Đồng Tháp;

Người kháng cáo: Anh Phan Văn C là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Nguyên đơn anh Phan Văn C trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị X cưới nhau vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Đồng Tháp và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03/5/2002.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây thường xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau về chuyện tình cảm. Lý do chị X thường

xuyên tạt tập bạn bè ăn nhậu không lo làm ăn, mỗi lần anh khuyên thì vợ chồng lại cãi vã, làm cho không khí gia đình lúc nào cũng căng thẳng. Sau ngày làm việc mệt mỏi về nhà, anh không nhận được sự quan tâm của chị X, thay vào đó là những lời nói khó nghe, vợ chồng không còn tiếng nói chung mạnh ai nấy sống, đã ly thân nhau từ tháng 9/2019. Nay, anh thấy hôn nhân không còn nên kéo được nữa, yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị X.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Thị Kim N, sinh ngày 22/6/2001, và Phan Thị Kim Y, sinh ngày 03/2/2005, hiện đang sống chung trong gia đình, anh C có ý kiến con theo ai người đó nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Có 04 chỉ vàng 24kara, tạm định giá là 14.000.000đồng, chị X đang giữ; 300 con ếch nái với giá là 70.000đồng/con, thành tiền là 21.000.000đồng và 100 con ếch đực với giá là 20.000đồng/con, thành tiền là 2.000.000đồng. Số tài sản này chị X đã bán và lấy tiền, tổng giá trị tài sản tạm tính là 37.000.000đồng. Anh yêu cầu chia đôi, yêu cầu được nhận 18.500.000đồng.

- Về nợ chung: Nợ tiền hui chết của bà Trần Thị A số tiền là 4.000.000 đồng. Anh C yêu cầu chia đôi số nợ, mỗi người trả $\frac{1}{2}$ là 2.000.000 đồng.

2. Bị đơn chị Phạm Thị X trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh C chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ. Thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc. Thời gian sau này thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn và cãi vã lẫn nhau, nguyên nhân không phải chị ăn nhậu mà do anh C không quan tâm, chăm sóc vợ con và lo cho gia đình, mạnh ai nấy sống. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, chị đồng ý ly hôn với anh C.

- Về con chung: Thống nhất như anh C trình bày.

- Về tài sản chung: Có 01 tủ lạnh trị giá 6.000.000đồng; 01 chiếc xe hiệu Dream trị giá 4.000.000đồng; diện tích đất 686,1m², thuộc thửa 3962, tờ bản đồ số 01, tọa lạc xã xã Đ, huyện M, tỉnh Đồng Tháp trị giá 51.450.000đồng; căn nhà lắp ráp trị giá 4.000.000đồng; tổng giá trị tài sản là 65.450.000đồng. Chị yêu cầu nhận hiện vật và sẽ trả giá trị cho Phan Văn C với số tiền là 32.725.000đồng.

- Về nợ chung: Thống nhất có nợ tiền hui chết của bà Trần Thị A là 4.000.000đồng. Chị không thống nhất trả cho bà A, yêu cầu anh C trả cho bà A vì chị đã đưa tiền cho anh C trả cho bà Ánh rồi.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị A trình bày: bà thừa nhận anh C và chị X có tham gia hui do bà làm đầu thảo, anh C và chị X đã hót và còn nợ hui chết là 4.000.000đ. Nay, anh C đồng ý trả cho bà số tiền trên nên trong vụ kiện này bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh C và chị X.

- Về quan hệ nuôi con: Giao cho chị X được quyền nuôi 02 con chung tên Phan Thị Kim Ngân, sinh ngày 22/6/2001 và Phan Thị Kim Yến, sinh ngày 03/2/2005. Chị X không yêu cầu anh C cấp dưỡng.

Anh C, chị X có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không bên nào được quyền ngăn cấm. Anh C được quyền thăm con.

- Về tài sản chung:

+ Chấp nhận yêu cầu của chị X.

Chị X được quyền quản lý sử dụng diện tích 309,8m², trong phạm vi các mốc MA, M1, MA', M1' trở về mốc MA, nằm trong diện tích 686,1m² (đo đạc thực tế 706,7m²) tại thửa 3962 tờ bản đồ số 1, giấy chứng nhận cấp cho anh C vào ngày 15/6/2016, phần đất tọa lạc xã Đ, huyện M, tỉnh Đồng Tháp;

Anh C được quyền quản lý sử dụng diện tích 396,9m², trong phạm vi các mốc MA', M1', M2, MB trở về mốc MA', nằm trong diện tích 686,1m² (đo đạc thực tế 706,7m²) tại thửa 3962 tờ bản đồ số 1, giấy chứng nhận cấp cho anh C vào ngày 15/6/2016, phần đất tọa lạc xã Đ, huyện M, tỉnh Đồng Tháp;

Anh C và chị X được quyền đến cơ quan nhà nước đăng ký, điều chỉnh quyền sử dụng theo quy định.

(Kèm theo mảnh trích đo địa C số 02-2019 ngày 18/7/2019 của Công ty TNHH Dịch vụ và Đo đạc Bảo Long; phụ lục mảnh trích đo địa C số 02-2019 và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 19/6/2019).

Buộc chị X trả cho anh C 2.000.000đ giá trị căn nhà lắp ráp.

Đối với phần căn nhà nằm trên phần đất được chia 7m, nếu dính qua bao nhiêu thì chị X có trách nhiệm tháo dỡ trả đất cho anh C. Mọi chi phí tháo dỡ chị X chịu.

+ Ghi nhận sự thỏa thuận của anh C và chị X: Anh C quản lý, sử dụng chiếc xe Dream trị giá 4.000.000đ. Chị X quản lý, sử dụng 01 tủ lạnh trị giá 6.000.000đ.

+ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh C về yêu cầu chia 11.500.000đ (tiền 300 con ếch nái, 100 con ếch đực) và 04 chỉ vàng 24kra.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, tiền xem xét thẩm định và thời hạn kháng cáo của các đương sự;

5. Sau khi xét xử sơ thẩm, anh C kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số 43/2019/HNGĐ-ST ngày 02/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện M, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm:

- Anh C không đồng ý chia thửa đất số 3962, tờ bản đồ số 01, đất tọa lạc tại xã Đ, huyện M, tỉnh Đồng Tháp do anh Phan Văn C đứng tên QSD đất vì đây là tài sản riêng của anh.

- Anh C yêu cầu được nhận căn nhà trên đất, đồng ý thôi lại chị X ½ giá trị căn nhà là 2.000.000đồng.

6. Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Anh C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo;

- Chị X không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của anh C;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh C; Giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn yêu cầu khởi kiện của anh Phan Văn C đối với chị Phạm Thị X nên được Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của anh Phan Văn C đối với một phần bản án sơ thẩm về việc không đồng ý chia chia phần đất tại thửa 3962, tờ bản đồ số 1 cho chị X và yêu cầu được sở hữu căn nhà, đồng ý trả $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà và đất cho chị X.

Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

- Về quan hệ hôn nhân, về con chung và về nợ chung: Các bên đã thống nhất thỏa thuận tại phiên tòa sơ thẩm, không có đương sự nào kháng cáo các nội dung này; Tuy nhiên, đối với con chung tên Phan Thị Kim N, sinh ngày 22/6/2001 đã đủ 18 tuổi, tự lao động được nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

- Về tài sản: Hai bên đang có tranh chấp đối với phần đất theo đo đạc thực tế có diện tích là 706,7m² thuộc thửa 3962, tờ bản đồ số 1 trên đất có căn nhà lắp ráp; anh C cho rằng phần đất là tài sản riêng của anh, nên không đồng ý chia cho chị X; tại phiên tòa phúc thẩm, anh C trình bày chỉ đồng ý chia giá trị đất cho chị X chứ không đồng ý giao đất; còn chị X thì xác định nhà và đất là tài sản chung của vợ chồng nên chị yêu cầu chia đôi diện tích đất, yêu cầu được sử dụng căn nhà lắp ráp và đồng ý thôi giá trị căn nhà lại cho anh C với số tiền là 2.000.000đ.

Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy, xét về nguồn gốc phần đất thửa 3962, tờ bản đồ số 1 là của gia đình anh C cho anh C, hiện do anh C đứng tên quyền sử dụng đất nhưng việc tặng cho này được phát sinh trong thời kỳ hôn nhân; theo anh C, chị X xác định: vào năm 2003 sau khi anh, chị kết hôn được một thời gian thì anh, chị được gia đình bên anh C cho cất nhà ở riêng, em anh C là anh Nhân chỉ vị trí đất để anh C, chị X đắp đất cất nhà để ở như hiện trạng hiện nay; nhưng do quyền sử dụng thế chấp vay Ngân hàng nên đến năm 2016 anh Nhân mới làm thủ tục sang tên cho anh C đứng quyền sử dụng đất; Như vậy, phần đất tại thửa 3962 được xác định là của anh C, chị X được cho chung nên được xem là tài sản chung của vợ chồng. Trong quá trình xem xét giải quyết Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xem xét về nguồn gốc của phần đất

tranh chấp nên đã chia cho anh C diện tích đất nhiều hơn so với diện tích đất của chị X được quản lý, sử dụng. Đồng thời, hiện nay 02 con chung đều có nguyện vọng được sống với chị X; do đó, nhằm tạo điều kiện để có chỗ ở ổn định cho chị X và 02 con chung Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên giao cho chị X được quản lý, sử dụng phần vị trí đất có căn nhà trên đất; Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy việc phân chia này cũng đã có xem xét đến quyền lợi của anh C và quyền lợi của chị X nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh C.

Tuy nhiên, việc tuyên án của cấp sơ thẩm chưa rõ ràng, dễ dẫn đến việc khó thi hành án sau này nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa lại cách tuyên về tài sản chung cho phù hợp.

Đối với cây trồng trên đất các bên thống nhất không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

Các phần còn lại của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh C nên anh C phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

Xét lời trình bày và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 33, 56, 59, 116 Luật HNGĐ; Điều 48 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Phan Văn C;
2. Giữ nguyên quyết định bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 43/2019/HNGĐ-ST ngày 02/10/2019 của Tòa án nhân dân Huyện M;

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phan Văn C và chị Phạm Thị X.

- Về nuôi con: Chị X được quyền nuôi con chung tên Phan Thị Kim Y, sinh ngày 03/2/2005. Chị X không yêu cầu anh C cấp dưỡng.

Anh C, chị X có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không bên nào được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung:

+ Anh Phan Văn C được quyền quản lý, sử dụng diện tích 396,9m² thuộc một phần thửa 3962, tờ bản đồ số 1, loại đất CLN, trong phạm vi các mốc MA', M1', M2, MB trở về mốc MA', đất tọa lạc tại xã Đ, huyện M, Đồng Tháp.

+ Chị Phạm Thị X được quyền quản lý, sử dụng diện tích 309,8m² và 01 căn nhà lắp ráp có trên đất trong phạm vi các mốc MA, M1, M1', MA', trở về mốc MA, thuộc một phần thửa 3962 tờ bản đồ số 1, loại đất CLN, đất tọa lạc tại xã Đ, huyện M, Đồng Tháp.

Buộc chị X có nghĩa vụ di dời 01 phần mái nhà lắp ráp có diện tích 10,8m² trong phạm vi các mốc (MD, MG, MF, ME, MD) và di dời phần nhà vệ sinh có diện tích 1,4m² trong phạm vi các mốc (MH, ML, MK, MI, MH) có trên phần đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của bên anh C.

Buộc chị X trả cho anh C ½ giá trị căn nhà lắp ráp với số tiền là 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Đề nghị Ủy Ban Nhân dân huyện M thu hồi phần đất có diện tích 309,8m² trong phạm vi các mốc MA, M1, M1', MA' trở về mốc MA thuộc một phần thửa 3962 tờ bản đồ số 1, đất tọa lạc xã Đ, huyện M, Đồng Tháp do anh Phan Văn C đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để cấp cho chị Phạm Thị X.

Anh C và chị X được quyền đến cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền đăng ký, điều chỉnh quyền sử dụng theo quy định.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định ngày 19/6/2019 của Tòa án Huyện Tháp Mười và phụ lục mảnh trích đo địa C số 02-2019 ngày 20/02/2020 của Công ty TNHH Dịch vụ và Đo đạc B);

+ Ghi nhận sự thỏa thuận của anh C và chị X: Anh C được quản lý, sử dụng chiếc xe Dream trị giá 4.000.000đ. Chị X quản lý, sử dụng 01 cái tủ lạnh trị giá 6.000.000đ.

+ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh C về việc yêu cầu chị X chia số tiền 11.500.000đồng (tiền 300 con ếch nái, 100 con ếch đực) và 04 chỉ vàng 24kra.

- Về án phí:

Anh C phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình và 1.488.500đồng án phí về tài sản, tổng cộng 1.788.500đồng, được khấu trừ 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007638 ngày 19/3/2019 và 462.500đồng theo biên lai thu số 0007836 ngày 06/5/2019, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M; Như vậy, anh C phải nộp thêm 1.026.000đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

Chị X phải nộp 1.162.000đồng án phí về tài sản, được khấu trừ 818.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007849 ngày 10/5/2019, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười; Như vậy, chị X phải nộp thêm 344.000đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

- Về án phí phúc thẩm: Anh C phải nộp 300.000đồng tiền án phí phúc thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006787 ngày 14/10/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M.

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Chị X đã nộp xong không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các

Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND H M;
- Chi cục THADS H. M;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Võ Trinh